

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Hoà Trạch năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HOÀ TRẠCH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được bổ sung một số điều theo Luật 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH ngày 18/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của UBND Tỉnh Quảng Bình về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 cho các xã, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, khóa VIII, kỳ họp thứ 2 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 02 tháng 01 năm 2025 của HĐND xã Quảng Châu về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Quảng Châu năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của HĐND xã Quảng Tùng về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Quảng Tùng năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND, ngày 31/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Cảnh Dương khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 12 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Cảnh Dương năm 2025;

qls



Theo đề nghị của UBND xã Hoà Trạch tại Tờ trình số 63 /TTr-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2025 của UBND xã Hoà Trạch về việc đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách địa phương xã Hoà Trạch năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Hoà Trạch năm 2025 như sau:

1. Tổng thu NSNN năm 2025:	142.027 triệu đồng
Trong đó, Ngân sách địa phương hưởng năm 2025:	133.611 triệu đồng
Bao gồm:	
- <i>Thu ngân sách trên địa bàn:</i>	16.006 triệu đồng
Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng:	7.590 triệu đồng
+ Thu cấp quyền sử dụng đất	5.060 triệu đồng
+ Các khoản thu cân đối còn lại	1.946 triệu đồng
+ Thu điều tiết từ khoản thu do Tỉnh quản lý	584 triệu đồng
- <i>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:</i>	123.658 triệu đồng
+ Thu cân đối:	130.682 triệu đồng
+ Thu bổ sung có mục tiêu:	3.228 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn CCTL năm trước:	650 triệu đồng
2. Tổng chi NSNN năm 2025:	133.611 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	5.470 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	123.790 triệu đồng
- Chi dự phòng ngân sách:	2.638 triệu đồng
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:	1.713 triệu đồng
+ <i>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ:</i>	476 triệu đồng
+ <i>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia:</i>	1.237 triệu đồng
<i>(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)</i>	

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong quá trình thực hiện nếu có những phát sinh ngoài dự toán, Ủy ban nhân dân xã xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

[Chữ ký]

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hoà Trạch khoá I, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 09 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Website Xã Hoà Trạch;
- Lưu: VT

(Để báo cáo)



CHỦ TỊCH

Lê Minh Đức





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 18 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Hoà Trách)

Phụ lục

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024				Dự toán năm 2025				Dự toán Hòa Trách năm 2025 sau sắp xếp	So sánh (*)	
		Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng	Cảnh Dương	Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng	Cảnh Dương		Tuyệt đối	Tương đối (%)
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 9-1	11 = 9/1 * 100
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	25,226	7,331	10,706	7,189	34,812	11,020	12,121	11,671	133,611	108,969	529.66
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	7,378	233	6,246	899	6,554	236	5,354	965	7,590	212	102.87
1	Thu cấp quyền sử dụng đất	5,800	-	5,200	600	5,060	-	4,400	660	5,060	-740	87.24
2	Các khoản thu cân đối còn lại	1,578	233	1,046	299	1,494	236	954	305	1,946	368	123.33
3	Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	584	584	-
II	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	-	-	-	-	-	-	-	-	650	650	-
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17,848	7,098	4,460	6,290	28,258	10,784	6,767	10,706	125,371	107,523	702.45
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	17,848	7,098	4,460	6,290	27,782	10,392	6,725	10,664	123,658	105,810	692.85
2	Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	-	-	476	392	42	42	1,713	1,713	-
	Thu BSMT các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	1,237	1,237	-
	Thu BSMT các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	-	-	-	-	476	392	42	42	476	476	-
B	TỔNG CHI NSDP	94,850	7,331	10,706	7,189	34,812	11,020	12,121	11,671	133,611	38,761	140.87
I	Tổng chi cân đối NSDP	93,898	7,331	10,706	7,189	34,336	10,628	12,079	11,629	131,898	38,000	140.47
1	Chi đầu tư phát triển	18,290	1,000	5,750	600	5,470	-	4,810	660	5,470	-12,820	29.91
2	Chi thường xuyên	73,748	6,164	4,753	6,457	28,187	10,415	7,036	10,736	123,790	50,042	167.86
3	Dự phòng bù hụt thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-
3	Dự phòng ngân sách	1,860	167	203	132	679	213	233	233	2,638	778	141.83
II	Chi các chương trình mục tiêu	952	-	-	-	476	392	42	42	1,713	761	179.94
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	1,237	1,237	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	952	-	-	-	476	392	42	42	476	-476	50.00
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-
IV	Chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-
											0	-

du



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Hoà Trạch)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2024					Dự toán năm 2025 theo NQ HĐND các xã trước sắp xếp										Dự toán xã Hòa Trạch 2025 sau sắp xếp		So sánh (%)	
		Thu NSNN		Thu NSDP			Thu NSNN		Thu NSDP			Thu NSNN		Thu NSDP			Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
		Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng	Cánh Dương	Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng	Cánh Dương	Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng	Cánh Dương	Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng				
A		1	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	TỔNG THU	35,612	25,226	7,331	10,706	7,189	43,680	11,126	19,066	13,487	34,812	11,020	12,121	11,671	142,027	133,611	398.82	529.66		
A	Thu ngân sách trên địa bàn	17,764.00	7,377.90	233.00	6,246	898.60	15,422.00	342.00	12,299	2,781.00	6,554.20	235.80	5,353.7	964.7	16,006.00	7,590.00	90.10	102.87		
1	Thu nội địa	17,764	7,378	233	6,246	899	15,422	342	12,299	2,781	6,554	236	5,354	965	15,422	7,006	86.82	94.96		
1	Thu XNQD địa phương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Thu DN có vốn DTNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	Thuế CTN & DV NQD	559	224	34	85	104	607	102	232	273	243	41	93	109	607	425	108.59	190.03		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	4	2	-	2	-	4	-	4	-	2	-	2	-	4	3	100.00	175.00		
	Thuế GTGT	555	222	34	84	104	603	102	228	273	241	41	91	109	603	422	108.65	190.14		
	Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
4	Lệ phí trước bạ	273	191	8	161	22	207	22	147	38	145	15	103	27	207	155	75.82	81.16		
5	Thuế sử dụng đất phi NN	-	-	-	-	-	10	5	5	-	7	4	4	-	10	9	-	-		
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	72	7	-	7	1	90	-	85	5	9	-	9	1	90	50	125.00	687.50		
7	Thuế thu nhập cá nhân	285	114	17	45	52	314	51	126	137	126	20	50	55	314	314	110.18	275.44		
8	Thu phí và lệ phí	412	379	148	120	111	348	120	120	108	319	114	112	94	348	348	84.47	91.82		
	- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Phí lệ phí	302	302	134	98	70	251	99	92	60	251	99	92	60	251	251	83.11	83.11		
	- Lệ phí môn bài	110	77	14	22	41	97	21	28	48	68	15	20	34	97	97	88.18	125.97		
9	Thu tiền sử dụng đất	15,500	5,800	-	5,200	600	13,200	-	11,000	2,200	5,060	-	4,400	660	13,200	5,060	85.16	87.24		
10	Thu khác	60	60	5	45	10	98	12	66	20	98	12	66	20	98	98	163.33	163.33		
	- Trong đó: Thu khác NSTW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Thu tiền và bảo vệ đất trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
12	Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	50	50	20	30	-	134	30	104	-	134	30	104	-	134	134	268.00	268.00		
14	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP được hưởng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
15	Thu đóng góp của nhân dân	553	553	-	553	-	414	-	414	-	414	-	414	-	414	414	74.86	74.86		
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tính quản lý														584	584				
1	Thu tiền thuê đất														584	584				
2	Thu phí tham quan																			
3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt						0													
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng																			
B	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	650	650				
C	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17,848	17,848	7,098	4,460	6,290	28,258	10,784	6,767	10,706	28,258	10,784	6,767	10,706	125,371	125,371	702.45	702.45		
1	Bổ sung cân đối	17,848	17,848	7,098	4,460	6,290	27,782	10,392	6,725	10,664	27,782	10,392	6,725	10,664	123,658	123,658	692.85	692.85		
2	Bổ sung mục tiêu	-	-	-	-	-	476	392	42	42	476	392	42	42	1,713	1,713				
2.1	Thu BSMT các chương trình mục tiêu quốc gia						-	-	-	-	-	-	-	-	1,237	1,237				
2.2	Thu BSMT các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác						476	392	42	42	476	392	42	42	476	476				

đkt



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 15 /NQ-HDND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của HDND xã Hoà Trạch)

Đơn vị: triệu đồng

STT		Dự toán năm 2024				Dự toán năm 2025				Dự toán năm 2025 sau sát nhập	So sánh	
		Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng	Cảnh Dương	Tổng	Quảng Châu	Quảng Tùng	Cảnh Dương		Tuyệt đối	Tương đối (%)
A		1									3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	25,226	7,331	10,706	7,189	34,812	11,020	12,121	11,671	133,611	108,385	529.7
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	25,226	7,331	10,706	7,189	34,336	10,628	12,079	11,629	131,898	106,672	522.9
I	Chi đầu tư phát triển	7,350	1,000	5,750	600	5,470	0	4,810	660	5,470	-1,880	74.4
1	Chi đầu tư cho các dự án	7,350	1,000	5,750	600	5,470	0	4,810	660	5,470	-1,880	74.4
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn					0						
-	Vốn tập trung	1,000	1,000			0					-1,000	0.0
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5,800		5,200	600	5,060		4,400	660	5,060	-740	87.2
-	Thu từ đóng góp của nhân dân	550		550		410		410		410	-140	74.5
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					0					0	
3	Chi đầu tư phát triển khác					0					0	
II	Chi thường xuyên	17,374	6,164	4,753	6,457	28,187	10,415	7,036	10,736	123,790	106,416	712.5
	Trong đó:					0					0	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1,166	70	71	1,025	4,866	1,672	472	2,722	81,815	80,649	7,016.7
III	Dự phòng ngân sách	502	167	203	132	679	213	233	233	2,638	2,136	525.5
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	0	0	476	392	42	42	1,713	1,713	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	0	0	0	0	0	1,237	1,237	
1	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững					0				824	824	
2	Chương trình MTQG Nông thôn mới					0				413	413	
II	Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	0	0	0	0	476	392	42	42	476	476	
1	KP duy trì phần mềm lĩnh vực Tài chính - Ngân sách					21	7	7	7	21	21	
2	KP thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số					105	35	35	35	105	105	
3	Phát triển hệ thống truyền thanh địa phương					350	350			350	350	